

SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TM-BVT

Điện Biên, ngày tháng 07 năm 2026

V/v: Đề nghị báo giá chi phí thẩm định giá
gói thầu: Cung cấp đồ vải y tế năm 2026
cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Kính gửi: Các đơn vị thẩm định giá

Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo trong quá trình lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu "Cung cấp đồ vải y tế năm 2026 cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên", Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên kính đề nghị các tổ chức, doanh nghiệp có chức năng, đủ điều kiện và năng lực cung cấp dịch vụ thẩm định giá gửi báo giá chi phí thực hiện dịch vụ thẩm định giá đối với gói thầu nêu trên. Nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên

Mã số thuế: 5600179012.

Người Đại diện: Ông Phạm Tiến Biên Chức vụ: Giám đốc

2. Danh mục hàng hóa đề nghị thẩm định giá:

(Chi tiết theo danh mục đính kèm)

3. Mục đích:

Thẩm định giá dự toán phù hợp với giá thị trường làm cơ sở để Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên làm căn cứ xác định giá và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

4. Điều kiện cung cấp dịch vụ:

Là đơn vị được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện dịch vụ thẩm định giá theo qui định.

5. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Lê Thị Thanh Huyền

Chức vụ: Thành viên tổ chuyên gia đấu thầu

Số điện thoại: 0386.777.857

Địa chỉ Email: tochuyengiadauthaubvt@gmail.com

6. Cách tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên (phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên).

7. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 15/07/2026 đến trước 17h ngày 21/07/2026.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

8. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ban hành báo giá.

9. Mẫu báo giá: Theo Phụ lục đính kèm.

Rất mong Quý Công ty, đơn vị tham gia báo giá để có cơ hội hợp tác cung cấp hàng hoá cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin ĐTBV;
- Lưu: VT;TCGĐT.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC**

Phạm Tiến Biên

PHỤ LỤC

(kèm theo thư mời số /TM-BVT ngày tháng 7 năm 2026)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số Thuế:.....

Địa chỉ Email (nếu có):

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

[Tên đơn vị thẩm định giá] xin gửi tới bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên lời chào trân trọng.

[Tên đơn vị thẩm định giá] Là nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực

Chúng tôi được biết quý Cơ quan đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu [tên gói thầu] Tên đơn vị thẩm định giá [ghi tên địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] nhận thấy có đủ khả năng hoàn thành tốt công tác thẩm định giá cho gói thầu nêu trên vì vậy chúng tôi xin gửi tới quý bệnh viện báo giá (gửi kèm các tài liệu chứng minh năng lực nhà thầu, bảng dự toán chi tiết) chi tiết như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
...						
	Cộng:					
	Thuế giá trị gia tăng%					
	Tổng cộng:					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày. Kể từ ngày.....tháng..... năm.....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời báo giá số /TM-BVT ngày /7/2026
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Áo choàng mổ	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt. Áo choàng dài tay 55cm, cổ liền khẩu trang, thân trước liền, thân sau mở buộc dây, cổ tàu 3cm, dài áo 1,24 m, bo chun tay 6cm - Phía trước ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN–2026 (hình vòng cung ngực trái) - May theo số đo từng người	Cái	500
2	Săng mổ KT: 2 mx1,5 m (lấy theo thông số thầu năm 2025)	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu, thấm máu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt đường may viền 4 xung quanh chắc chắn, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Cái	700
3	Săng lỗ mổ KT:1,8mx1,5m	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu, thấm máu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt đường may viền 4 xung quanh chắc chắn, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng) ĐK lỗ: 15cm có lớp tấp lỗ		
4	Săng sản KT:1,2x0,8m	- Chất liệu vải Phin : chất liệu mềm, dễ thấm nước, thấm máu + Chất liệu vải: 100% Cotton + Khối lượng vải (g/m2): 136.5 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 270 ±1 , ngang 244 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền xé rách (N): Dọc 24.8 ±1 , ngang 16 ±1 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5 - Màu sắc: Trắng may viền 4 xung quanh chắc chắn in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Cái	50
5	Săng KT:0,4mx0,4m	- Chất liệu vải thô mỏng loại I: chất liệu mềm, thấm máu, dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu + Chất liệu vải: 89.1% Polyester ±1, 10.9% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 176.6 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 300 ±1 , ngang 236 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2) ±0.2 ; ngang (-0.3) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy: Naclo (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu trắng (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Cái	100
6	Bọc hai lớp KT:1,2mx1,2m	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu + Chất liệu vải: 64.3% Polyester ±1, 35.7% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 151.8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±1 , ngang 228 ±1	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		+ Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt, may trần chéo, may viền 4 xung quanh in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 bọc)		
7	Bọc hai lớp KT: 0,6mx0,6m	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu, thấm máu + Chất liệu vải: 64.3% Polyester ±1, 35.7% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 151.8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±1 , ngang 228 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt, may trần chéo, may viền 4 xung quanh in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 bọc)	Cái	50
8	Ga xanh KT:2,5mx1,5m	- Chất liệu Kaki loại 1 + Chất liệu vải: 65% Polyester ±1, 35% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 148.8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 510 ±1, ngang 226 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-0.6) ±0.2 , ngang (-0.4) ±0.2 - Màu sắc: màu xanh kết (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 ga)	Cái	300
9	Áo người bệnh số 1	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M):	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 3 túi, phía trước trên ngực trái, dài áo 72 cm, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung) - Áo dài tay 57cm		
10	Áo người bệnh số 2	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 3 túi, phía trước trên ngực trái, dài áo 68 cm, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung) - Áo dài tay 53cm		
11	Quần người bệnh số 1	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: - Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 - Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 - Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Quần luôn chun, không may chun cố định, dài quần 97, in cách cạp quần 10 cm in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung)	Cái	300
12	Quần người bệnh số 2	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M):	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Quần luôn chun, không may chun cố định, dài quần 89, in cách cạp quần 10 cm in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung)		
13	Màn tuyn cá nhân	Chất liệu: 100% sợi Filament Polyester (PE) Mật độ lỗ lưới tiêu chuẩn: Từ 20 đến 25 lỗ /1cm ² Kiểu mắt dệt: Dệt hoa văn lục giác (hình tổ ong) hoặc hình kim cương. Khối lượng vải màn: từ 30-40g/m ² Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 Màu trắng, Dài 2 m, rộng 1m x cao 1.8m, đỉnh màn viền màu xanh theo chiều rộng in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN - 2026 (hình vòng cung) ở góc màn	Cái	700
14	Áo sản phụ	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m ²): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải:	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Áo: dài 75, rộng 160cm cổ tròn, cài cúc giữa dài tay, dáng suông, phía trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN-2026 (hình vòng cung)		
15	Váy sản phụ	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1 , 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1 , ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2 ; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ± 1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Váy: dài 85cm, rộng 175cm, dáng suông, dây rút, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN-2026 (hình vòng cung) cách cạp váy 10 cm	Cái	100
16	Vỏ gối KT: 65cm x47cm	- Chất liệu vải kate kẻ sọc dày: vải ít nhăn dễ giặt sạch + Chất liệu vải: 30% Polyester ± 1 , 70% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 295.9 ± 1	Cái	900

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		- màu sắc: sọc xanh lam Vỏ gối may úp thìa 27 cm mặt sau, may viền 4 cạnh, trần 1 đường xung quanh; in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 gối)		
17	Ruột gối KT:60cmx42cm	- Ruột gối: Độ cao (độ phồng) tự nhiên: Từ 12-15cm (khi không chịu lực ép); Chất liệu lõi bông 100% sợi Polyester tái sinh hoặc nguyên sinh, loại bông hạt trắng nhỏ không thấm nước, giặt không bị vón cục; Trọng lượng ruột bông 600 gam. - Chất liệu vỏ bọc ruột gối: Vỏ bọc chất vải phin, hoặc vải lon, màu trắng. May đê máy chắc chắn.	Cái	700
18	Chăn hè KT:1,8m x 2m	- Màu sắc, chất liệu vải mặt ngoài: Màu vàng + Chất liệu vải: 100% Cotton + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 535 ±1, ngang 238 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-1.5±0.2; Ngang (-1.8) ±0.2 - Chất liệu lõi bông chăn bên trong: 100% sợi bông Polyester dạng tấm, sợi bông mảnh, có độ toỉ xộp, không thấm nước và kháng khuẩn tốt. Mật độ mũi may chăn: Đạt từ 3,8-4,5 mũi/1cm. Đường chỉ may phải đều đặn, không bị bỏ mũi, không có chỉ thừa. - Tổng trọng lượng chăn: 1,2kg - Quy cách: Chăn bông viền. Bề mặt chăn được chạy các đường chỉ chăn giúp cố định lớp bông bên trong, không bị xô lệch, vón cục khi giặt giữ. Được may nẹp viền chắc chắn xung quanh bốn cạnh. In chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung điểm giữa 1/3 chăn.	Cái	400
19	Quần nhân viên phòng mổ cỡ 80-90kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát, thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người + Chất liệu vải: 66% Polyester ±1, 34% Cotton ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280±1 , ngang 272 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ±0.2 , ngang (-1.1) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương Quần: Kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, cạp quần may chun cố định , Size XXL; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026. (Viền mép túi đằng sau màu Đỏ)	Cái	60

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
20	Quần nhân viên phòng mổ cỡ 60 - 70kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát, thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người + Chất liệu vải: 66% Polyester ± 1, 34% Cotton ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ± 1 , ngang 272 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ± 0.2 , ngang (-1.1) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương - Quần: Kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, cạp quần may chun cổ định, Size XL; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (Viền mép túi đằng sau màu Vàng)	Cái	80
21	Áo nhân viên phòng mổ cỡ 80-90kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát, thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người + Chất liệu vải: 66% Polyester ± 1 , 34% Cotton ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ± 1 , ngang 272 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ± 0.2 , ngang (-1.1) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương - Size XXL. Ngắn tay, cổ trái tim chui đầu, dài áo ngang hông phía trước có 3 túi, , size rất lớn 130cm; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (Viền mép trong cổ áo phía sau màu Đỏ)	Cái	60
22	Áo nhân viên phòng mổ cỡ 60kg- 70kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người. + Chất liệu vải: 66% Polyester ± 1 , 34% Cotton ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ± 1 , ngang 272 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ± 0.2 , ngang (-1.1) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương - Size XL. Ngắn tay, cổ trái tim chui đầu, dài áo ngang hông phía trước có 3 túi; in chữ PHÒNG MỔ	Cái	80

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (Viền mép trong cổ áo phía sau màu Vàng)		
23	Quần trẻ em từ 5-7 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: - Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 - Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 - Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Quần luôn chun, may chun cố định, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung)	Cái	150
24	Quần trẻ em từ 8 đến 10 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Quần luồn chun, may chun cố định, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung)		
25	Áo trẻ em từ 5- 7 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 2 túi, phía trước trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung) áo tay dài	Cái	150

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
26	Áo trẻ em từ 8 đến 10 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: - Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 - Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 - Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 2 túi, phía trước trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung) áo tay dài	Cái	50
27	Săng lỗ tê KT:1mx0,8m	- Chất liệu vải kaki hoàn nguyên : vải ít nhăn dễ giặt sạch, thấm máu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt may trần chéo , in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 săng) ĐK lỗ: 15cm	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
28	Ga chun 4 góc KT:2,2mx1,2m	- Chất liệu Kaki loại 1 + Chất liệu vải: 65% Polyester ± 1, 35% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 148.8 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 510 ± 1, ngang 226 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc $(-0.6) \pm 0.2$, ngang $(-0.4) \pm 0.2$ - Màu sắc: màu xanh kết KT Chiều dài 2,2m, chiều rộng 1,2m, chiều cao 13cm, gập góc vuông bo chun 4 góc (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2022 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 ga)	Cái	12
Tổng : 28 khoản				

